

BÀI 1:
ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000
BIỂU THỨC CÓ CHỨA MỘT CHỮ

A. BÀI TẬP CƠ BẢN:

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- 1) 32500; 327000;;; 33300;
- 2) 10200;;; 10800;
- 3) 21000;; 21200;;; 21500

Bài 2. Viết các số sau:

- 1) Năm mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi.
- 2) Mười chín nghìn tám trăm linh hai.
- 3) Sáu mươi bốn nghìn năm trăm.
- 4) Ba mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi tám.

Bài 3. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

- 1) 32150; 18760; 92487; 40752; 36976.
- 2) 100700; 40080; 10040; 50080; 60010.
- 3) 68010; 78720; 30405; 48072; 67402.
- 4) 17001; 17007; 18009; 16007; 15009.

Bài 4. Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

- 1) 22000; 48070; 52240; 22400; 37010; 49780
- 2) 97100; 67700; 67100; 96100; 86100; 71700.
- 3) 20101; 30701; 20301; 30502; 20409; 30407.
- 4) 38625; 47625; 36825; 46725; 32865; 45267.

Bài 5. Viết mỗi số sau thành tổng:

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| 1) 76897; 24891; 71028. | 2) 92176; 12780; 90148. |
| 3) 44676; 24029; 20570. | 4) 82486; 42901; 20453. |
| 5) 92148; 60120; 91018 | |

Bài 6.

- | | | |
|--------------------|-----------------|-----------------|
| 1) $2000 + 7000$; | $1000 + 6000$; | $4000 + 3000$. |
|--------------------|-----------------|-----------------|

Có công mài sắt có ngày nên kim.

- | | | |
|---------------------------------|-------------------|------------------------------|
| 2) $9000 - 5000$; | $7000 - 2000$; | $5000 - 1000$. |
| 3) 3000×3 ; | 2000×4 ; | 1000×5 . |
| 4) 2200×4 ; | 1200×3 ; | 2300×2 . |
| 5) $36000 : 6$; | $48000 : 4$ | $24000 : 2$. |
| 6) 7000×2 ; | 3000×3 ; | 5000×4 . |
| 7) $80000 - (50000 - 40000)$; | | $70000 - (80000 - 50000)$. |
| 8) $(50000 - 20000) \times 3$; | | $(40000 - 30000) \times 5$. |
| 9) $7000 - 9000 : 3$ | | $20000 + 3600 : 3$ |
| 10) $80000 - 40000 - 10000$ | | $70000 - 20000 + 30000$. |

Bài 7. Đặt tính rồi tính:

- | | | |
|----------------------|-------------------|--------------------|
| 1) $4976 + 3786$; | $12894 + 1823$; | $1462 + 7129$. |
| 2) $96725 - 48430$; | $19428 - 13126$; | $84297 - 53218$. |
| 3) 1826×4 ; | 4126×4 ; | 13024×4 . |
| 4) $48484 : 4$; | $65030 : 5$; | $20037 : 3$ |
| 5) $89550 : 5$; | $60540 : 5$; | $70210 : 5$ |
| 6) $39426 : 3$; | $44824 : 4$; | $40075 : 7$. |

Bài 8. Tính giá trị của biểu thức:

- | | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|
| 1) $4297 + 3578 - 2290$; | $2987 + 1958 - 1472$. |
| 2) $(70987 - 30952) \times 2$; | $(80320 - 50110) \times 3$. |
| 3) $9200 - 1400 \times 2$; | $6900 + 2000 : 4$. |
| 4) $4169 + 2800 : 4$; | $2817 + 1600 : 4$. |
| 5) $(9000 - 7000) \times 2 - 1000$; | $(5000 - 1000) \times 3 + 4000$. |
| 6) $18726 + 23400 - 19720$; | $28726 - 19245 + 954$. |
| 7) $427 + 189 + 540 + 360$; | $287 + 104 + 696 + 713$. |

Bài 9. Tìm x:

- | | | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|
| 1) $x + 892 = 7864$; | $485 + x = 6972$; | $x + 6981 = 7792$. |
| 2) $x - 1764 = 5743$; | $X - 2848 = 6917$; | $X - 1058 = 2974$. |
| 3) $x + 25460 = 87457$; | $x + 48290 = 65492$; | $X + 618 = 9789$. |
| 4) $22496 - x = 10763$; | $49546 - X = 28194$; | $93245 - x = 689$. |
| 5) $x \times 2 = 4670$; | $3 \times x = 63933$; | $X \times 4 = 48812$. |
| 6) $: 4 = 2104$; | $X : 5 = 10111$; | $x : 3 = 21012$. |
| 7) $4500 + x = 8972$; | $2800 + x = 7958$; | $x + 666 = 7889$. |
| 8) $: 5 = 4270$; | $X : 3 = 16101$; | $X : 4 = 4162$ |

Cổ công mài sắt có ngày nên kim.

- 9) $6540 : x = 2$; $40075 : x = 7$; $48264 : x = 2$.
 10) $x \times 4 = 1212$; $5 \times X = 60520$; $X \times 3 = 69363$

Bài 10: Mẹ ghi chép việc mua hàng theo bảng sau:

Loại hàng	Giá tiền	Số lượng mua
Thịt	34 000 đồng 1 kg	2 kg
Rau	5 000 đồng 1 kg	3 kg
Đường	7 000 đồng 1 kg	2 kg

- Tính tiền mua từng loại hàng.
- Mẹ mua tất cả bao nhiêu tiền?
- Nếu có 100 000 đồng thì sau khi mua số hàng trên mẹ còn bao nhiêu tiền?

Bài 11: Ghi giá trị của chữ số 3 trong mỗi số ở bảng sau:

Số	48 300	37 210	13 425	69 423
Giá trị của chữ số 3				

Bài 12: Ghi giá trị của chữ số 3 trong mỗi số ở bảng sau:

Số	79 435	67 120	18 796	20 007
Giá trị của chữ số 7				

Bài 13: Tính giá trị biểu thức:

- $9 - b$ với $b = 5$
- $246 - b$ với $b = 106$
- $a + 192$ với $a = 470$
- $c - 423$ với $c = 943$
- $7 \times m$ với $m = 9$
- $10 \times n$ với $n = 5$
- $p : 4$ với $p = 60$
- $24 + 6 \times a$ với $a = 9$
- $927 - (45 + b)$ với $b = 230$
- $487 - c \times 4$ với $c = 10$
- $25 \times (24 : n)$ với $n = 8$
- $(72 - m) + 79$ với $m = 70$
- $420 - b \times 9$ với $b = 10$
- $346 + 20 \times c$ với $c = 7$
- $77 \times p + 69$ với $p = 4$
- $k \times 2 - 17$ với $k = 20$

Bài 14: Tính giá trị của biểu thức:

1)

m	$7 \times m$
9	$7 \times 9 = 63$
8	$7 \times 8 = 56$
14	$7 \times 14 = 98$

n	$n + 287$
14	
39	
1000	

2)

p	$428 - p$
49	
107	
369	

q	$q : 3$
249	
363	
900	

3)

t	$24 : t$
2	
4	
8	

h	$h \times 4$
22	
102	
1111	

Bài 15. Viết vào ô trống:

1)

a	Biểu thức	Giá trị của biểu thức
4	$7 \times a$	
9	$9 + 4 \times a$	
10	$(87 - a) + 28$	
1	$99 \times a + 1$	

2)

b	Biểu thức	Giá trị của biểu thức
5	$b \times 9$	
40	$b : 4$	
0	$26 \times b + 500$	
9	$9 \times b + 242$	

B. CÁC BÀI TOÁN NÂNG CAO**Bài 16.** Viết số tự nhiên lớn nhất và bé nhất có:

- 1) Ba chữ số khác nhau.
- 2) Năm chữ số khác nhau.
- 3) Bốn chữ số mà hàng cao nhất là 7.

Có công mài sắt có ngày nên kim.

4) Năm chữ số mà chữ số hàng nghìn là 6 và chữ số hàng đơn vị là 2.

5) Ba chữ số đều là chẵn

Bài 17: Tìm x :

1) $(x - 24) \times 2 = 4826$

2) $(x + 93) : 3 = 1002$

3) $(x - 248) \times 2 = 40688$

4) $(x + 2891) : 3 = 10512$

Bài 18: Phân tích các số sau đây thành chục nghìn, nghìn, trăm, chục và đơn vị.

1) $\overline{ab}$

2) $\overline{abc}$

3) $\overline{abcd}$

4) $\overline{abcde}$

Bài 19: Năm nay mẹ 45 tuổi, con 8 tuổi. Hỏi:

1) 3 năm trước đây, mẹ hơn con bao nhiêu tuổi?

2) 5 năm nữa mẹ hơn con bao nhiêu tuổi?

Bài 20: Tìm một số biết rằng đem nhân số đó với 5 rồi trừ đi số nhỏ nhất có 4 chữ số thì được số tròn chục lớn nhất có 4 chữ số.

Bài 21: Tìm một số, biết rằng đem nhân số đó với 2 rồi trừ đi số nhỏ nhất có 4 chữ số thì được số tròn chục lớn nhất có 4 chữ số.

Bài 22: Viết biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức:

1) 9 nhân với tổng của 2384 và 1427.

2) 1275 chia cho hiệu của 397 và 392.

3) 5 nhân với thương của 0 và 248.

4) 248 cộng với tích 1 và 147.

Bài 23: Tìm số bị chia trong phép chia có dư. Biết số chia là 8, thương là 308 và số dư là số dư lớn nhất.

Bài 24: Tìm số bị chia trong phép chia có dư. Biết số chia là 5 thương là 140 và số dư là số dư lớn nhất.

Bài 25: Tính giá trị của biểu thức:

1) $a - (b + c)$ với $a = 27385$; $b = 1278$; $c = 987$.

2) $m - n - p$ với $m = 1796$; $n = 542$; $p = 104$.

3) $a + b + c$ với $a = 248$; $b = 352$; $c = 400$.

Bài 26: Tổng của hai số là 2704. Nếu thêm vào số bé 247 đơn vị thì tổng của hai số là bao nhiêu?

Bài 24: Tổng của hai số là 3756. Nếu bớt số lớn đi 127 đơn vị thì tổng của hai số là bao nhiêu?

-----o0o-----

Có công mài sắt có ngày nên kim.